

Bản án số: 17/2022/HSST
Ngày: 12/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Chự;

Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.

2. Ông Lê Công Hùng;

Nghề nghiệp: Cán bộ đã nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện VKSND huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2022/HSST ngày 13 tháng 5 năm 2022; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09 ngày 29/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Kpã C, sinh ngày 19/7/1998 tại: Huyện CPR, tỉnh Gia Lai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, huyện CPR, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: Làng X, xã ID, huyện CPR, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha Kpã H, họ tên mẹ Kpã Ch; bị cáo có vợ là Siu T và có 01 con; Tiền án: Ngày 14/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện CPR xử phạt 04 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản. Ngày 11/8/2017 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, (Đã xóa án tích; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 28/3/2022, có mặt tại phiên tòa.

2. Rơ Mah H, sinh năm: 1992, tại huyện CPR, tỉnh Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Làng X, xã ID, huyện CPR, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha Siu B (Đã chết) họ tên mẹ Rơ Mah H; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Rơ Mah T, sinh năm: Không xác định, (Theo Kết luận giám định pháp y về độ tuổi, kết luận: Độ tuổi của Rơ Mah T tại thời điểm giám định (tháng 01/2022) là từ 17 năm 3 tháng đến 17 năm 9 tháng). Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Làng X, xã ID, huyện CPr, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha Rơ Châm C (Đã chết) họ tên mẹ Rơ Mah X; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Rơ Lan N, sinh ngày 13/11/2003 tại huyện CPr, tỉnh Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Làng K, xã B, huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: Làng X, xã ID, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha Siu K, họ tên mẹ Rơ Lan P; bị cáo có vợ là Rơ Mah S và có một con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Rơ Mah T: Bà Rơ Mah X (Mẹ của bị cáo).
Địa chỉ: Làng X, xã ID, huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Kpă C: Bà Trang Thị Thùy D – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Rơ Mah T: Bà Nguyễn Hoàng Kim L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Rơ Mah H: Ông Thiệu Hữu M – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Rơ Lan N: Ông Nguyễn Đình C – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bị hại: Anh Đỗ Quốc L, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Thôn A, xã ID, huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

-Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Thôn A, xã ID, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

-Chị Siu Thúy, sinh năm: 2000;

Địa chỉ: Thôn A, xã ID, huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người phiên dịch tiếng Jarai: Ông Siu B.

Địa chỉ: Làng K, xã Ia B, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ ngày 27/11/2021 trong lúc ngồi uống rượu cùng nhau tại quán cháo ở ngã ba thôn H, xã ID, huyện CP, tỉnh Gia Lai, Kpă C rủ Rơ Lan N, Rơ Mah H và Rơ Mah T đi lấy trộm cà phê trong kho của gia đình anh Đỗ Quốc L tại thôn A, xã ID thì N, H và T đồng ý. H nói C, N và T đi lên kho nhà anh L trước, H đi về nhà một lúc rồi lên sau. Sau đó, T điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát: 35H9-3407 chở N đi đến vườn mì ở phía sau kho cà phê của gia đình anh L còn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 81B1-707.52 chở H về rồi đến điểm hẹn. Tại đây C và T giấu xe mô tô trong vườn mì, rồi cả ba đi bộ ra tường rào kho cà phê ở phía sau Hội trường thôn A để chờ H. Khoảng 20 phút sau H đi đến thì N và T trèo tường rào vào trước,

tiếp đó tới H và cuối cùng là C. Cả bốn trèo tường rào vào trong sân rồi đi đến kho cà phê của gia đình anh L thì thấy kho không đóng cửa, xung quanh không có người nên tất cả đi vào trong kho đến chỗ khu vực để bao cà phê nhân gần máy xay cà phê. Lúc này, H, N và T khiêng một bao cà phê nhân (đã may miệng bao) để lên vai cho C vác đi ra trước tiếp đó T và H kéo một bao cà phê nhân đầy và đổ nửa bao ra sân kho rồi T đỡ nửa bao cà phê nhân lên vai cho H vác ra còn T lấy một vỏ bao xác rắn màu đỏ rồi cùng với N đi ra sau. Cả bốn để cà phê vừa lấy được ở tường rào, H và T tiếp tục đi ra chỗ sân đang để cà phê tươi và lấy thêm một bao cà phê tươi. Sau đó, T mở bao cà phê nhân đầy ra, cùng H và N san một nửa qua bao không để để vác đi. Sau khi chia cà phê nhân ra xong thì H trèo tường ra ngoài trước, tiếp đó N trèo lên trên hàng rào đứng, C và T đứng phía trong lần lượt chuyển ba nửa bao cà phê nhân và một bao cà phê tươi lên cho N rồi N chuyển ra cho H. Chuyển cà phê ra ngoài xong thì C, N và T cũng trèo tường ra ngoài

Sau khi lấy được cà phê C chở H cùng hai nửa bao cà phê nhân đã khô và một bao cà phê tươi, còn T chở N cùng một nửa bao cà phê nhân đã khô đến nhà chị Phạm Thị T tại thôn A, xã ID để bán, đến nơi thì C là người vào giao dịch với chị T, còn H, T, N đứng ở ngoài, chị T hỏi “*Cà phê ở đâu*” thì C nói “*Cà phê của nhà*” thì chị T đồng ý mua, khi cân cà phê nhân đã khô được 123kg và cà phê tươi được 45kg, chị T mua với giá 37.000 đồng/kg cà phê nhân đã khô và 6.500 đồng/kg cà phê tươi, sau khi trừ vỏ bao được tổng số tiền là 4.800.000 đồng, Kpã C nhận tiền từ chị T và chia cho H, T, N mỗi người số tiền 1.200.000 đồng, C được 1.200.000 đồng, sau đó tất cả đi về nhà ngủ, số tiền được chia C, N đã tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 28/11/2021, anh Đỗ Quốc L phát hiện kẻ gian đột nhập lấy trộm cà phê nên đã làm đơn trình báo Công an xã ID, huyện CPr.

Sau khi sự việc xảy ra thì Công an xã ID triệu tập Rơ Mah H, Rơ Mah T lên làm việc và các bị can đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và H đã giao nộp số tiền 800.000 đồng, T giao nộp số tiền 1.200.000 đồng. Qua lời khai của T, H thì Công an xã ID đã thu giữ 123kg cà phê nhân đã khô và 45kg cà phê tươi tại nhà của Phạm Thị T.

Ngày 28/3/2022, Kpã C đến Công an huyện CP đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình, sau đó C khai nhận còn có Rơ Lan N là người cùng tham gia trộm cắp tài sản. Đến ngày 31/3/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an triệu tập Rơ Lan N lên làm việc và N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS ngày 08/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chư Prông kết luận: 123 (kg) cà phê nhân đã khô có giá: 5.092.200 đồng và 45 (kg) cà phê tươi có giá: 373.500 đồng. Tổng cộng là 5.465.700 đồng (*Năm triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn, bảy trăm đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 27/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chư Prông kết luận như sau: 04 (bốn) vỏ bao xác rắn mua tháng 10 năm 2021 có giá 8.400 đồng (*Tám ngàn bốn trăm đồng*).

Về vật chứng vụ án:

- 123kg cà phê nhân đã khô và 45kg cà phê tươi đựng trong 04 (bốn) vỏ bao xác rắn, Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại cho anh Đỗ Quốc L.

- Số tiền 2.000.000 đồng của Rơ Mah T, Rơ Mah H giao nộp, Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả cho chị Phạm Thị T.

- 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát: 81B1-707.52 và 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát: 35H9-3407, quá trình điều tra xác định là của chị Siu T (vợ Kpă C) và chị Rơ Mah X (mẹ đẻ Rơ Mah T), khi C và T sử dụng đi trộm cắp tài sản thì chị T, chị X không biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

Về dân sự:

- Bị hại anh Đỗ Quốc L đã nhận lại 123kg cà phê nhân đã khô và 45kg cà phê tươi đựng trong 04 (bốn) vỏ bao xác rắn và không có yêu cầu gì khác.

- Chị Phạm Thị T yêu cầu các bị can trả lại số tiền 4.800.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T số tiền 2.000.000 đồng do T và H giao nộp, Tại phiên tòa chị T vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt chị T trình bày đã nhận lại số tiền trên và còn lại là 2.800.000 đồng do vợ của Kpă C là Siu T bồi thường 1.200.000 đồng; Rơ Mah H bồi thường thêm số tiền 400.000 đồng; Rơ Lan N bồi Thường số tiền 1.200.000 đồng. Chị T không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT- VKS ngày 12 tháng 5 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Kpă C, Rơ Mah H, Rơ Mah T và Rơ Lan N về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị các cáo Kpă C, Rơ Mah H, Rơ Mah T và Rơ Lan N phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Kpă C.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Rơ Mah H và Rơ Lan N,

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Rơ Mah T.

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Kpă C từ 12 đến 15 tháng tù.

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Rơ Mah H từ 09 đến 12 tháng tù.

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Rơ Lan N từ 09 đến 12 tháng tù.

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Rơ Mah T từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

-Người bị hại là anh Đỗ Quốc L không yêu cầu các bị cáo pH bồi thường.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Vì vậy về dân sự không đề cập giải quyết.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX xem xét đơn xin miễn án phí của các bị cáo C, T và H. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, những người bào chữa cho các bị cáo Kpă C, Rơ Mah H, Rơ Mah T và Rơ Lan N đều có ý kiến nhất trí về phần tội danh và các điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đã buộc tội đối với các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, vì các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, những người bào chữa đều có ý kiến xin HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo cụ thể như sau:

-Người bào chữa cho bị cáo Kpă C, có ý kiến xin HĐXX xử bị cáo C không quá chín tháng tù và cho bị cáo được miễn nộp án phí theo quy định.

-Người bào chữa cho bị cáo Rơ Mah H, có ý kiến xin HĐXX áp dụng thêm Điều 65 BLHS xử bị cáo H không quá sáu tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo và cho bị cáo được miễn nộp án phí theo quy định.

-Người bào chữa cho bị cáo Rơ Mah T, có ý kiến xin HĐXX xem xét áp dụng thêm Điều 36 xử bị cáo T không quá sáu tháng cải tạo không giam giữ và cho bị cáo được miễn nộp án phí theo quy định.

-Người bào chữa cho bị cáo Rơ Lan N, có ý kiến xin HĐXX áp dụng thêm Điều 65 BLHS xử bị cáo N không quá sáu tháng tù và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa người bị hại là anh Đỗ Quốc L có ý kiến xin HĐXX xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Chư Prông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền và trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án như biên bản thu giữ vật chứng, biên bản ghi lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 27/11/2021, Kpă C đã rủ Rơ Mah H, Rơ Mah T và Rơ Lan N thực hiện hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 123 kg cà phê nhân và 45 kg cà phê quả tươi của anh Đỗ Quốc L với tổng trị giá tài sản bị thiệt hại là 5.474.100 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà

còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp là 5.474.100 đồng; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Kpă C, Rơ Mah H, Rơ Mah T và Rơ Lan N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo khi thực hiện hành vi trộm cắp không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ cụ thể mà hành động mang tính tự phát và tiếp nhận ý chí của nhau, Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị phát hiện thì các bị cáo đều đến Công an để làm việc và khai nhận hành vi phạm tội.

Tuy vậy mỗi bị cáo đều có một vai trò nhất định trong vụ án, tính chất, mức độ tham gia thực hiện tội phạm về cơ bản là có khác nhau nên cần pH phân hóa trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt cho tương xứng với từng bị cáo, cụ thể:

Bị cáo Kpă C là người giữ vai trò khởi xướng, rủ rê và là người thực hành tích cực. Bị cáo là người đã thành niên nhưng lại rủ rê, lôi kéo Rơ Mah T là người dưới 18 tuổi cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, vì vậy thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Hơn nữa bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Chư Prông xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt trở về địa phương nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng rèn luyện trở thành công dân tốt có ích cho xã hội mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới, thể hiện bị cáo quá xem thường pháp luật. Tuy N trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú, tác động gia đình bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa thì người bị hại là anh L có ý kiến xin HĐXX giảm nhẹ cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với các bị cáo Rơ Mah H, Rơ Mah T và Rơ Lan N là những người được C rủ rê trộm cắp tài sản là việc làm sai trái, vi phạm pháp luật, lẽ ra các bị cáo pH có lời lẽ khuyên ngăn C không nên làm những việc vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo đã không làm điều đó mà các bị cáo đã tham gia trộm cắp tài sản với vai trò thực hành tích cực. Tuy N các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục thiệt hại, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 cần áp dụng cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị cáo Rơ Mah T khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo T.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, cần T pH có hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng là để răn đe và phòng ngừa chung.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

-Người bị hại là anh Đỗ Quốc L không yêu cầu các bị cáo pH bồi thường.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị T không yêu cầu các

bị cáo pH bồi thường. Vì vậy về dân sự không đề cập giải quyết.

[4]. Về xử lý vật chứng:

- 123kg cà phê nhân đã khô và 45kg cà phê tươi đựng trong 04 (bốn) vỏ bao xác rắn, Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại cho anh Đỗ Quốc L.

- Số tiền 2.000.000 đồng của Rơ Mah T, Rơ Mah H giao nộp, Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả cho chị Phạm Thị Thắm.

- 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát: 81B1-707.52 và 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát: 35H9-3407, quá trình điều tra xác định là của chị Siu T (vợ Kpă C) và chị Rơ Mah X (mẹ đẻ Rơ Mah T), khi C và T sử dụng đi trộm cắp tài sản thì chị T, chị X không biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

Việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Prông là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[5]. Về án phí: Tại phiên tòa các bị cáo Kpă C, Rơ Mah H, Rơ Mah T có đơn xin miễn án phí sơ thẩm vì các bị cáo thuộc hộ nghèo và cận nghèo. Xét đơn xin miễn án phí sơ thẩm của các bị cáo; đối chiếu với quy định của pháp luật quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì cần chấp nhận đơn xin miễn án phí của các bị cáo Kpă C, Rơ Mah H, Rơ Mah T. Bị cáo Rơ Lan N pH chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Kpă C, Rơ Mah H, Rơ Mah T và Rơ Lan N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Kpă C. Xử phạt bị cáo **Kpă C 15 (Mười lăm)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam là ngày 28/3/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Rơ Mah H và Rơ Lan N. Xử phạt bị cáo **Rơ Mah H 10 (Mười)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Xử phạt bị cáo **Rơ Lan N 10 (Mười)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Rơ Mah T. Xử phạt bị cáo **Rơ Mah T 06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập xử lý.

4. Về vật chứng vụ án: Không đề cập xử lý.

5. Về án phí sơ thẩm:

-Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Rơ Lan N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

-Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Kpă C, Rơ Mah H, Rơ Mah T.

6. Về thời hạn kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo T, người bị hại có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2022). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Công an huyện Chư Prông;
- Thi hành án DS,HS;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Ngô Trung Thực**